

Số: 78/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 117/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Lai Châu.
- Chị Vĩ Thị T, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Tổ A, phường T, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng **anh Nguyễn Trung H và chị V Thị Thu** trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: **Anh Nguyễn Trung H và chị V Thị Thu** về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày **25/12/2018 tại UBND phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là UBND phường T, tỉnh Lai Châu)** theo **giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 25/12/2017**. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Anh chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, thường xuyên xảy ra tranh chấp, cãi vã trong gia đình và tình cảm giữa vợ chồng không còn được như trước dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh H và chị T cùng nhất trí thuận tình ly hôn và đề nghị Toà án công nhận cho anh H và chị T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Trung H và chị V Thị Thu có 02 con chung tên là Nguyễn Thiện A, sinh ngày 19/01/2019 và Nguyễn Ngọc Cát A1, sinh ngày 06/10/2021, anh H và chị T thỏa thuận:

+ Chị Vì Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thiện A và cháu Nguyễn Ngọc Cát A1 cho đến khi cháu cháu A và cháu A1 thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị T tự thỏa thuận anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

+ Anh Nguyễn Trung H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[3] Chia về tài sản chung: **Anh Nguyễn Trung H và chị V Thị Thu** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

[4] Về lệ phí: **Anh Nguyễn Trung H và chị V Thị Thu** mỗi người chịu một nửa lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Anh chị thống nhất, chị T sẽ chịu toàn bộ tiền lệ phí cho cả hai.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Trung H và chị V Thị Thu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung H và chị Vì Thị T.

- **Về việc nuôi con:** Anh Nguyễn Trung H và chị Vì Thị T có 02 con chung tên là Nguyễn Thiện A, sinh ngày 19/01/2019 và Nguyễn Ngọc Cát A1, sinh ngày 06/10/2021, anh H và chị T thỏa thuận:

+ Chị Vì Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thiện A và cháu Nguyễn Ngọc Cát A1 cho đến khi cháu cháu A và cháu A1 thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

+ Anh Nguyễn Trung H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản:** **Anh Nguyễn Trung H và chị Vì Thị T** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

2. Về lệ phí: **Anh Nguyễn Trung H và chị V Thị Thu** mỗi người chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. **Chị Vì Thị T** tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí là 300.000 đồng. Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị **Vì Thị T** đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn

nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0000102 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (nộp tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ